TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2023/DS-PT
Ngày 29-5-2023
V/v tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỳ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp thừa kế tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 132/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Huỳnh Phạm Vinh H1, sinh năm 1998; địa chỉ: đường Y, Phường X, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Phạm Thị Hồng P1, sinh năm 1966; địa chỉ: đường Y, phường K, thành phố T, tỉnh Long An (được uỷ quyền theo hợp đồng uỷ quyền ngày 30/3/2022).

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng H2, sinh năm 1969; địa chỉ: Đường P, Phường X, thành phố T, Long An.

2. Anh Huỳnh Minh P2, sinh năm 2005 (sinh ngày 01/8/2005);

Người đại diện hợp pháp của Huỳnh Minh P2: bà Nguyễn Thị Hồng H2, sinh năm 1969.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn H3, Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn H3, đoàn Luật sư tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:*

1. Nguyên đơn ông Huỳnh Phạm Vinh H1.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2022, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Huỳnh Phạm Vinh H1 cũng như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng P1 trình bày:

Ông H1 là con ruột của ông Huỳnh Hữu H4 và bà Phạm Ngọc H5, ông H4 chết ngày 19/12/2021, cha mẹ ông H4 là cụ Huỳnh Hữu C chết năm 2009 và cụ Nguyễn Thị U chết năm 2018. Ông H4 có vợ là bà Nguyễn Thị Hồng H2 và có hai con là Huỳnh Phạm Vinh H1 và Huỳnh Minh P2. Lúc còn sống ông H4 được nhận di sản thừa kế theo Bản án số 03/2021/DS-PT ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, gồm nhà đất tại Đường P, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Phường X, thành phố T, tỉnh Long An và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 101, 123, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Long An. Năm 2021, ông H4 chết không để lại di chúc, nay ông H1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 101, 123, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã H, huyện C, Long An. Yêu cầu chia làm 3 phần đối với di sản trên và yêu cầu nhận một phần giá trị di sản, không yêu cầu nhận hiện vật. Ông H1 thống nhất với giá trị quyền sử dụng đất theo Chứng thư định giá số 400/08/12/2022/TĐG LA - BĐS ngày 8/12/2022 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ tư vấn H với giá trị di sản là: 4.254.100.000 đồng, yêu cầu nhận 1/3 ba số tiền là: 4.254.100.000 đồng : 3 = 1.418.033.300 đồng. Ông H1 rút yêu cầu chia thừa kế đối với nhà đất tại Đường P, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An thuộc thửa đất 73, tờ bản đồ số 21. Đối với việc bà H2 và anh P2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 101, 123 tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Long An, nguyên đơn tiếp tục đồng ý để bà H2, anh P2 tiếp tục đứng tên, không yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 08/03/2022, không yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà H2, ông H4. Đối với khoản nợ vay của ông H4 tại Ngân hàng Hợp tác chi nhánh Long An, ông H4 thế chấp bằng tài sản là quyền sử dụng đất và nhà thuộc thửa đất 73, tờ bản đồ 21, địa chỉ: Phường X, thành phố T, tỉnh Long An, giá trị tài sản nhiều hơn số tiền ông H4 vay tại ngân hàng nên nguyên đơn không yêu cầu chia quyền sử dụng đất và nhà thuộc thửa đất 73, tờ bản đồ 21, địa chỉ: Phường X, thành phố T, tỉnh Long An.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H2 đồng thời bà H2 đại diện cho anh Huỳnh Minh P2 trình bày:

Bà H2 là vợ của ông H4, ông H4 chết ngày 19/12/2021, ông H4 chết không để lại di chúc. Ông H4 có vợ là bà Nguyễn Thị Hồng H2, có con chung với bà H2 là Huỳnh Minh P2 và có con riêng với người vợ trước là ông Huỳnh Phạm Vinh H1, cha mẹ ông H4 là cụ Huỳnh Hữu C chết năm 2009 và cụ Nguyễn Thị U chết năm 2018. Theo Bản án số 03/2021/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Long An ngày

05/1/2021 ông H4 được nhận ¼ di sản gồm nhà đất tại Đường P, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An thuộc thửa đất 73, tờ bản đồ số 21 và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 101, 123 tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Long An, nhưng ông H4 phải hoàn giá trị di sản nhiều hơn phần di sản ông H4 được nhận cho các đồng thừa kế khác với số tiền là 3.375.986.000 đồng, số tiền này ông H4 bà H2 đã bỏ tiền ra thi hành án cho các đồng thừa kế là anh, em ruột của ông H4. Sau khi nhận di sản là quyền sử dụng đất ông H4 đã thi hành án xong cho các đồng thừa kế, đã làm thủ tục đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông H4 chết bà H2 và con là Huỳnh Minh P2 đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó Nguyễn Thị Hồng H2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 101, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Long An. Anh Huỳnh Minh P2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 123, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Long An. Xác định thửa đất 101, 123, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Long An là tài sản chung của bà H2 và ông Huỳnh Hữu H4. Yêu cầu xác định di sản thừa kế của ông H4 là ½ giá trị tài sản là thửa đất 101, 123 tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại xã H, C, Long An. Phần ½ tài sản này sẽ chia thừa kế theo pháp luật, yêu cầu chia làm 4 phần mỗi thừa kế một phần, yêu cầu tính đến công sức đóng góp của bà H2, bà H2 thống nhất với chứng thư định giá số 400/08/12/2022/TĐG LA - BĐS ngày 8/12/2022 của Công ty định giá H, giá trị là 4.254.100.000đồng. Đối với khoản nợ vay của ông H4 tại Ngân hàng Hợp tác chi nhánh Long An, ông H4 thế chấp bằng tài sản là quyền sử dụng đất và nhà thuộc thửa đất 73, tờ bản đồ 21, địa chỉ: Phường X, thành phố T, tỉnh Long An, giá trị tài sản nhiều hơn số tiền ông H4 vay tại ngân hàng. Hiện tại, bà H2 là người thanh toán trả cho ngân hàng số nợ hàng tháng thay cho ông H4. Bà H2 không yêu cầu chia khoản nợ của ông H4. Khoản nợ của ông H4 bà H2 tự trả, không yêu cầu các đồng thừa kế khác có nghĩa vụ trả khoản nợ của ông H4.

Vụ án được Toà án cấp sơ thẩm kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T đã căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Điều 623, Điều 649, Điều 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp chia thừa kế tài sản của nguyên đơn ông Huỳnh Phạm Vinh H1 đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H2, ông Huỳnh Minh P2.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H2, ông Huỳnh Minh P2 có nghĩa vụ chia lại cho ông Huỳnh Phạm Vinh H1 ¼ giá trị quyền sử dụng đất, đối với phần di sản ông H4 để lại là ½ giá trị thửa đất số 101, 123 cùng tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp A xã H, huyện C, tỉnh Long An, tương ứng với số tiền là 531.762.500 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp chia thừa kế tài sản của nguyên đơn ông Huỳnh Phạm Vinh H1 đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H2, ông Huỳnh Minh P2, yêu cầu được chia 886.270.833 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia Nhà đất tại Đường P, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An thuộc thửa đất 73, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại Phường X, thành phố T, tỉnh Long An.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác.

Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 10/2022/QĐ-BPBĐ ngày 29/4/2022 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T để đảm bào thi hành án.

4. Về chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp là 15.000.000 đồng, các đồng thừa kế mỗi bên phải chịu một phần, chi phí này ông Huỳnh Phạm Vinh H1 đã ứng ra nộp nên bà Nguyễn Thị Hồng H2, ông Huỳnh Minh P2 phải hoàn trả lại cho ông Huỳnh Phạm Vinh H1 số tiền 10.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Huỳnh Phạm Vinh H1 phải chịu 25.270.500 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001516 ngày 22/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, ông Huỳnh Phạm Vinh H1 phải nộp thêm 4.270.500 đồng. Bà Nguyễn Thị Hồng H2 phải nộp 43.905.750 đồng. Ông Huỳnh Minh P2 phải nộp 25.270.500 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/01/2023, nguyên đơn ông Huỳnh Phạm Vinh H1 làm đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xác định quyền sử dụng các thửa đất số 101, 123 cùng tờ bản đồ số 12 là tài sản riêng của ông Huỳnh Hữu H4, yêu cầu được chia 1/3 giá trị.

Ngày 27/01/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H2 làm đơn kháng cáo yêu cầu chia lại di sản của ông H4, bà H2 được chia 915.954.050đồng; Huỳnh Phạm Vinh H1 và Huỳnh Minh P2 được chia là 457.977.025 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự không thoả thuận được với nhau, nguyên đơn ông Huỳnh Phạm Vinh H1 do bà Phạm Thị Hồng P1 đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, xác định quyền sử dụng hai thửa đất số 101 và 123 là tài sản riêng của ông H4, chia cho ông H1 1/3 giá trị là 1.488.000.000đồng hoặc có thể cho ông H1 nhận lại quyền sử dụng đất trên đất có mồ mã để ông H1 giữ gìn vì có thể bà H2 nhận đất sẽ mang chuyển nhượng cho người khác, bà P1 trình bày cho rằng, các thửa đất số 101 và 123 có được từ di sản thừa kế của gia đình cha mẹ ruột của ông H4, mặc dù số tiền ông H4 phải thối hoàn cho các đồng thừa kế khác nhiều hơn kỷ phần ông H4 được nhận, ông H4 phải thối hoàn 3.375.986.000đồng cùng 150.000.000đồng tiền lãi, tuy nhiên ông H4 cũng nhận các tài sản thừa kế khác của

cụ U gồm nhận số tiền 334.280.000đồng từ tiền bán nữ trang, tiền mặt của cụ U để chia cho các thừa kế, điều này cho thấy ông H4 dùng tài sản riêng để thanh toán lại cho các thừa kế, không phải là tài sản của vợ chồng. Vì vậy, kháng cáo của ông H1 là có cơ sở.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H2, bà H2 đồng thời đại diện cho Huỳnh Minh P2 cùng Luật sư phát biểu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn rút yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, trình bày cho rằng, bà H2 là vợ hợp pháp của ông H4, cùng nhau vay tiền, làm ăn chung, bà H2 cùng ông H4 vay nợ và hoàn trả khoản tiền chênh lệch cho các thừa kế khác, thực tế hiện nay bà H2 phải gánh nhiều khoản nợ, bà H2 vay tiền bên ngoài để trả khoản nợ 02 tỷ đồng của Ngân hàng Hợp tác, Chi nhánh Long An nên chủ nợ đã giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H2. Vì vậy, các tài sản còn lại đều là tài sản chung của vợ chồng ông H4 và bà H2, ông H1 không sống cùng ông H4 và bà H2, không có công sức đóng góp vào khối tài sản của ông H4 và bà H2 nên Bản án sơ thẩm chia thừa kế một phần di sản cho ông H1 bằng giá trị là đúng quy định của pháp luật. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H2 đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử huỷ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với quyền sử dụng hai thửa đất số 102 và 123 cùng tờ bản đồ số 12 để bà H2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất thanh toán nợ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Phạm Vinh H1, của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H2 trong thời hạn luật định, hợp lệ nên đề nghị được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

Theo Bản án số 03/2021/DS-PT ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thì ông Huỳnh Hữu H4 được nhận ¼ di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị U để lại là 01 kỷ phần trị giá 2.645.967.075 đồng. Do ông H4 nhận hiện vật là nhà đất tại thuộc thửa đất 73, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 101, 123, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã H, huyện C, tỉnh Long An. Ông H4 phải hoàn giá trị bằng tiền đối với phần vượt quá di sản ông H4 được nhận cho các đồng thừa kế khác số tiền là 3.375.986.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không yêu cầu giải quyết các khoản vay, nguyên đơn không tranh chấp nhà đất thửa 73 do đã cấn trừ nợ nên không xem xét trong vụ án này, nếu đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện trong vụ kiện khác.

Căn cứ Điều 43 Luật Hôn nhân và Gia đình thì tài sản thừa kế là tài sản riêng nên thửa 101 và 123 là tài sản riêng của ông H4. Căn cứ Điều 651 Bộ luật dân sự thì bà H2, anh P2 và ông H1 thuộc hàng thừa kế thứ 1 của ông H4 nên cùng được hưởng phần di sản bằng nhau, mỗi người được 1/3 di sản thừa kế của ông H4.

Về công sức: hiện nay giá trị nhà đất tại thuộc thửa đất 73 cao hơn khoản nợ ông H4 vay, ông H1 không yêu cầu chia thừa kế là đã có sự xem xét công sức của bà H2 nên bản án sơ thẩm còn tính công sức của bà H2 01 kỷ phần là chưa phù

hợp. Như vậy, theo các căn cứ trên thì yêu cầu kháng cáo của ông H1 có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H2 rút yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà H2.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Phạm Vinh H1, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Phạm Vinh H1 được thực hiện đúng quy định tại Điều 272, 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nguyên đơn ông Huỳnh Phạm Vinh H1 khởi kiện tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế của cha ruột là ông Huỳnh Hữu H4 đối với bà Nguyễn Thị Hồng H2. Di sản mà ông H1 yêu cầu được chia là quyền sử dụng thửa đất số 73, tờ bản đồ số 21, cùng quyền sở hữu căn nhà gắn liền với đất toạ lạc tại đường P, Phường X thành phố T, tỉnh Long An và các thửa đất số 101, 123, tờ bản đồ số 12, toạ lạc tại xã H2, huyện C, tỉnh Long An. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H1 đã rút yêu cầu tranh chấp chia thừa kế đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 21, cùng quyền sở hữu căn nhà gắn liền với đất toạ lạc tại đường P, Phường X, thành phố T. Đối với thửa đất số 101, 123, tờ bản đồ số 12, Toà án cấp sơ thẩm xác định là tài sản chung của vợ chồng ông H4 và bà H2, ½ là tài sản của bà H2, ½ là di sản của ông H4, chia di sản của ông H4 thành 04 phần, một phần công sức của bà H2, ba phần còn lại chia cho ba đồng thừa kế của ông H4 gồm bà H2, ông Vinh H1 và Minh P2. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Vinh H1 xác định toàn bộ quyền sử dụng hai thửa đất số 101, 123, tờ bản đồ số 12 là di sản của ông H4 nên ông Vinh H1 đã làm đơn kháng cáo. Ngoài ra, bà H2 cũng kháng cáo yêu cầu chia lại di sản thừa kế của ông Huỳnh Hữu H4. Tuy nhiên, trong văn bản ngày 25/5/2023 và tại phiên toà phúc thẩm, bà H2 rút lại yêu cầu kháng cáo. Căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn đã rút.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Phạm Vinh H1 do bà Phạm Thị Hồng P1 đại diện yêu cầu xác định toàn bộ quyền sử dụng hai thửa đất số 101, 123, tờ bản đồ số 12 là tài sản riêng của ông Huỳnh Hữu H4 thuộc về di sản thừa kế thấy rằng:

Nguồn gốc toàn bộ các tài sản mà ông Vinh H1 tranh chấp thừa kế gồm thửa đất số 73, tờ bản đồ số 21 cùng quyền sở hữu căn nhà đường P, Phường X, thành phố T gắn liền với thửa đất số 73 và thửa đất số 101, 123, tờ bản đồ số 12 là của cụ Huỳnh Hữu C chết năm 2009 và cụ Nguyễn Thị U chết năm 2018. Năm 2020, các đồng thừa kế của cụ C và cụ U là các anh chị của ông H4 đã khởi kiện tranh chấp thừa kế với ông H4. Bản án dân sự phúc thẩm số 03/2021/DS-PT ngày 05/01/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Long An sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố T, giao quyền sử dụng ba thửa đất số 73, tờ bản đồ số 21, thửa 101, 123, tờ bản đồ số 12 cùng căn nhà đường P gắn liền với thửa đất số 73 cho ông H4, ông H4 có nghĩa vụ thối hoàn tiền cho các đồng thừa

kế khác với số tiền là 3.375.986.000đồng. Kỷ phần thừa kế của ông H4 được nhận là 2.645.967.075đồng, không phải là toàn bộ giá trị của hai thửa đất 101 và 123. Căn cứ vào Biên bản về việc giải quyết thi hành án được bà H2 và bà P1 thừa nhận thì ông H4 và bà H2 đã trực tiếp giao số tiền chênh lệch kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế là các anh chị của ông H4 với số tiền 3.375.986.000đồng cùng 150.000.000đồng tiền lãi. Số tiền này có được từ số tiền vay Ngân hàng Hợp tác Chi nhánh Long An 2.000.000.000đồng cùng các khoản nợ khác của bà H2 ông H4 và các khoản thu khác của vợ chồng, hiện nay bà H2 vẫn tiếp tục trả các khoản tiền này. Toà án cấp sơ thẩm với nhận định cho rằng, ông H4 và bà H2 dùng tiền chung của vợ chồng thanh toán cho các thừa kế khác để nhận lại tài sản là 03 thửa đất gồm thửa 73, tờ bản đồ số 21, thửa 101, 123, tờ bản đồ số 12 cùng căn nhà đường P xác lập thành tài sản chung là có cơ sở.

Bà Phạm Thị Hồng P1 đại diện cho nguyên đơn trình bày cho rằng, nguồn tiền có được để ông H4 thanh toán cho các đồng thừa kế của cụ C và cụ U là từ tài sản riêng của ông H4 do ông H4 còn nhận được tài sản từ trang sức, tiền của cụ U là 334.286.000đồng và 1.000.000.000đồng từ sổ tiết kiệm. Tuy nhiên, bà P1 cũng thừa nhận 1.000.000.000đồng đã đầu tư trồng thanh long và hiện nay thanh long không còn, còn số tiền 334.286.000đồng không phải là toàn bộ tài sản thối hoàn cho các đồng thừa kế và bà H2 không thừa nhận số tiền này hoàn trả cho các thừa kế khác nên không chấp nhận trình bày của bà P1 về việc số tiền thanh toán cho các thừa kế khác là từ nguồn tiền riêng của ông H4.

Từ những nhận định trên không có sơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn mà cần bác yêu cầu này, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đối với thửa đất số 73, tờ bản đồ số 21 cùng căn nhà đường P và các khoản nợ của bà H2, ông H4, các bên không đề cập, phía nguyên đơn đã rút yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Tại phiên toà phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với quyền sử dụng hai thửa đất số 102 và 123, cùng tờ bản đồ số 12 để bà H2 chuyển nhượng quyền sử dụng đất thanh toán nợ, trong đơn kháng cáo, bị đơn không đề cập đến yêu cầu này, yêu cầu này không được đại diện nguyên đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí phúc thẩm: nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm, bị đơn rút kháng cáo tại phiên toà phúc thẩm phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Phạm Vinh H1 do bà Phạm Thị Hồng P1 đại diện.

Chấp nhận việc rút kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Căn cứ các Điều 26, 37, 39, 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 6, 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp chia thừa kế tài sản của nguyên đơn ông Huỳnh Phạm Vinh H1 đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H2, ông Huỳnh Minh P2.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H2, ông Huỳnh Minh P2 có nghĩa vụ chia lại cho ông Huỳnh Phạm Vinh H1 ¼ giá trị quyền sử dụng đất, đối với phần di sản ông H4 để lại là ½ giá trị thửa đất số 101, 123 cùng tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp A xã H, huyện C, tỉnh Long An, tương ứng với số tiền là 531.762.500 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp chia thừa kế tài sản của nguyên đơn ông Huỳnh Phạm Vinh H1 đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H2, ông Huỳnh Minh P2, yêu cầu được chia 886.270.833 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia nhà đất tại Đường P, Phường X, thành phố T, tỉnh Long An thuộc thửa đất 73, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại Phường X, thành phố T, tỉnh Long An.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác.

Tiếp tục duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 10/2022/QĐ-BPBĐ ngày 29/4/2022 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2022/QĐ-BPKCTT ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T để đảm bào thi hành án.

4. Về chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp là 15.000.000 đồng, các đồng thừa kế mỗi bên phải chịu một phần, chi phí này ông Huỳnh Phạm Vinh H1 đã nộp tạm ứng nên bà Nguyễn Thị Hồng H2, ông Huỳnh Minh P2 phải hoàn trả lại cho ông Huỳnh Phạm Vinh H1 số tiền 10.000.000 đồng.

5. Về án phí: ông Huỳnh Phạm Vinh H1 phải chịu 25.270.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001516 ngày 22/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, ông Huỳnh Phạm Vinh H1 phải nộp tiếp 4.270.500 đồng.

Ông Huỳnh Phạm Vinh H1 phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0002038 ngày 18/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Bà Nguyễn Thị Hồng H2 phải chịu 43.905.750 đồng. Ông Huỳnh Minh P2 phải chịu 25.270.500 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng H2 phải chịu 300.000đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí bà H2 đã nộp theo biên lai số 0002040 ngày 30/01/2023.

6. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Nga